TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Châu
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: X1 Đường Đ1, phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Luong Khai K (K Khai Luong), sinh năm 1972 (vắng mặt)
Quốc tịch: Hoa Kỳ.
Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022 và bản tự khai, nguyên đơn - bà Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Luong Khai K (K Khai Luong) kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X2 do Ủy ban nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn ông Luong Khai K (K Khai Luong) trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà ở lại Việt Nam. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Nay nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Luong Khai K (K Khai Luong).

Về việc nuôi con: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng thực ngày 09/12/2022, bị đơn - ông Luong Khai K (K Khai Luong) trình bày:

Ông và bà Lê Thị D tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X2do Ủy ban nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn ông trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc còn bà D vẫn ở lại Việt Nam, vợ chồng mâu thuẫn do xa cách và tính tình không hòa hợp. bà D gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nay nhận thấy tình cảm giữa ông và bà D không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị D.

Về việc nuôi con: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Lê Thị D và ông Luong Khai K (K Khai Luong) có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 18/8/2022, bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Luong Khai K (K Khai Luong). Ông Luong Khai K (K Khai Luong) đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị D và ông Luong Khai K (K Khai Luong) có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Luong Khai K (K Khai Luong) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X2do Ủy ban nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2018, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. bà D và ông Luong Khai K (K Khai Luong) đều thừa nhận thời gian chung sống ngắn, mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, tình

cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ. Do đó có cơ sở xác định bà D và ông Luong Khai K (K Khai Luong) đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông Luong Khai K (K Khai Luong).

Về việc nuôi con: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị D phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Luong Khai K (K Khai Luong).
- Về việc nuôi con: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số X3 ngày 07/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Bà Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Luong Khai K (K Khai Luong) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- UBND quận Q1 Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thành Châu	**Lê Thị Nhanh**	**Quách Thanh Bình**